



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU

---

# THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG V/2018



HÀ NỘI, THÁNG VI/2018

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2018 .....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	3
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên .....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2018.....	12
1. Đối với cây lúa .....	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp .....	14
VI. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI-VIII NĂM 2018 .....	17
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2018

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng V/2018 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,7<sup>0</sup>C đến 2,4<sup>0</sup>C) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -231mm đến 169mm. (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -42 giờ đến 74 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -9% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng V/2018 ở từng vùng của nước ta như sau:

### 1. Vùng Tây Bắc

#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

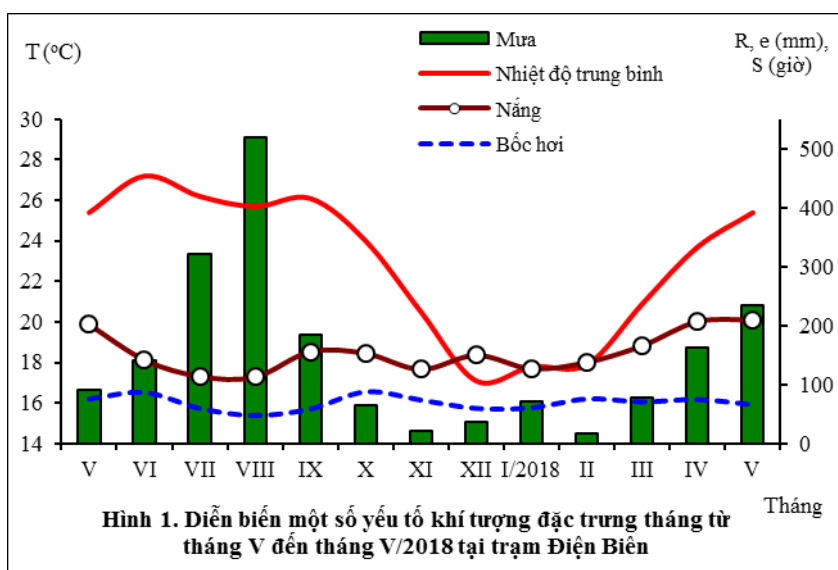
Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -0,7 đến 1,5<sup>0</sup>C; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ 19,8<sup>0</sup>C đến 28,6<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ 17,1<sup>0</sup>C đến 25,1<sup>0</sup>C, giá trị thấp nhất là 14,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 14/V tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 24,3<sup>0</sup>C đến 34,7<sup>0</sup>C, giá trị cao nhất là 39,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 7/V tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

#### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2018 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Điện Biên

110mm đến 373mm, cao nhất là 434mm xảy ra tại Tam Đường, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -87mm đến 140mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 22mm đến 100mm, cao nhất là 107mm xảy ra vào ngày 27/V tại Mộc Châu.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 17 đến 26 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng V/2018 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -10 giờ đến 63 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 179 giờ đến 247 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2018 dao động từ 76% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 8%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 17/V tại Mường Tè.

- Tổng lượng bốc hơi tháng V/2018 có giá trị phổ biến từ 55mm đến 127mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-373mm đến -12mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 4- 8mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 12 ngày trong đó có từ 1 - 4 ngày với cường độ mạnh

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 8 đến 23 ngày

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng V/2018 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (-1,0<sup>0</sup>C đến 0,6<sup>0</sup>C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

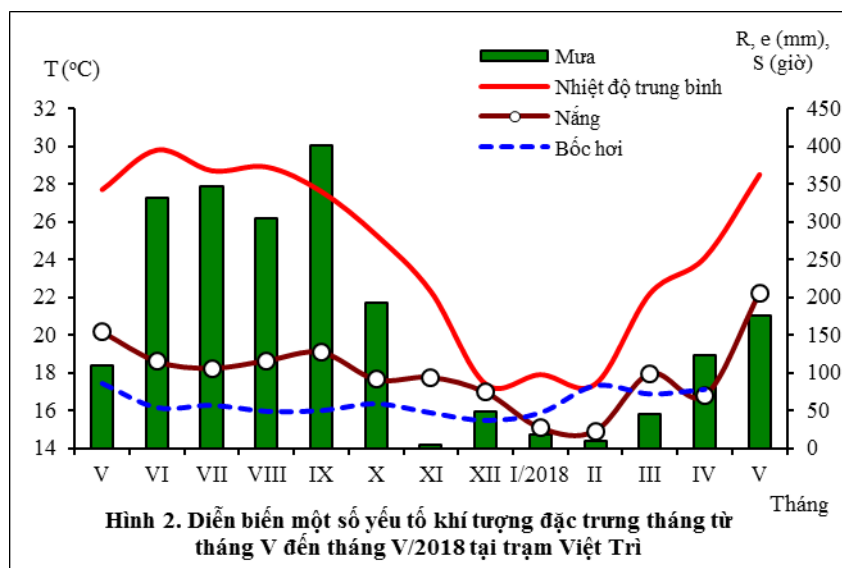
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 19,7<sup>0</sup>C đến 29,3<sup>0</sup>C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,5<sup>0</sup>C đến 25,9<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 3/V tại Sapa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,1<sup>0</sup>C đến 34,3<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí cao nhất là 37,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 26/V tại Vĩnh Yên.

## 2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 120mm đến 327mm; cao nhất là 590mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ 231mm đến 63mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2018 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Việt Trì

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 24mm đến 110mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 14 - 27 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng V/2018 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 160 giờ đến 218 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 65 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2018 phổ biến từ 78 đến 86%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 7%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41%, xảy ra vào ngày 8/V tại Bắc Hà.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 51mm đến 132mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-522mm đến -30mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 7mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xảy ra ở một số nơi từ 1 – 8 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xảy ra ở một số khu vực từ 8 đến 20 ngày.

## 3. Vùng Đông Bắc

### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,3°C đến 2,4°C; có giá trị dao động từ 25,7°C đến 29,0°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,1°C đến 34,1°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,5°C xảy ra vào các ngày 26/V tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,7°C đến 26,7°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,3°C xảy ra vào ngày 28/V tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lễn được thể hiện trên hình 3.

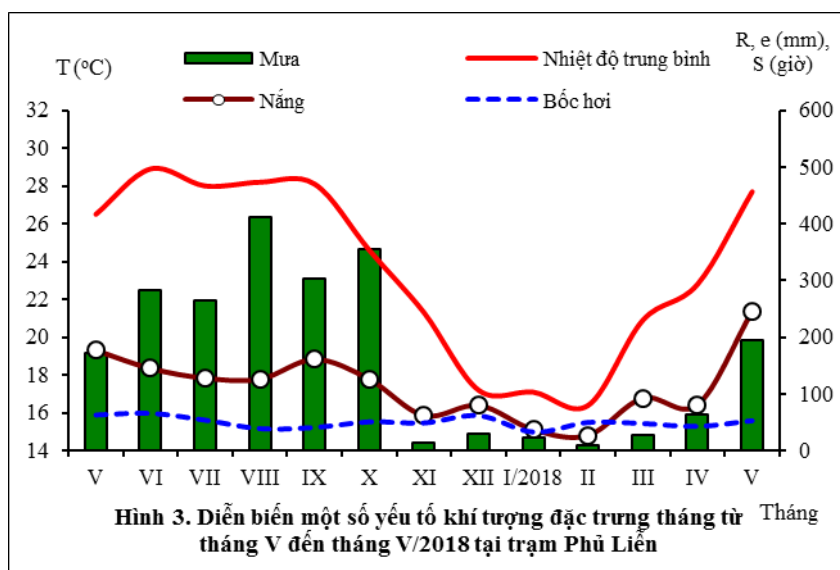
### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng V/2018 dao động phổ biến từ 74mm đến 236mm, cao nhất là 258mm tại Bắc Ninh, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-106mm đến 52mm) (hình 11).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 12

đến 77mm, cao nhất là 112mm xảy ra ngày 2/V tại Bắc Ninh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lễn) ở hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Phù Lễn

### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng V/2018 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (17 giờ đến 74 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 178 giờ đến 246 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2018 ở các nơi dao động phổ biến từ 78 đến 90%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 7/V tại Bảo Lạc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 53mm đến 113mm. Lượng bốc hơi

các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa -158mm đến -10mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 6mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 – 14 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 11 ngày với cường độ nhẹ.
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 4 ngày.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,2<sup>0</sup>C đến 29,5<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,2<sup>0</sup>C đến 2,2<sup>0</sup>C) (hình 10);

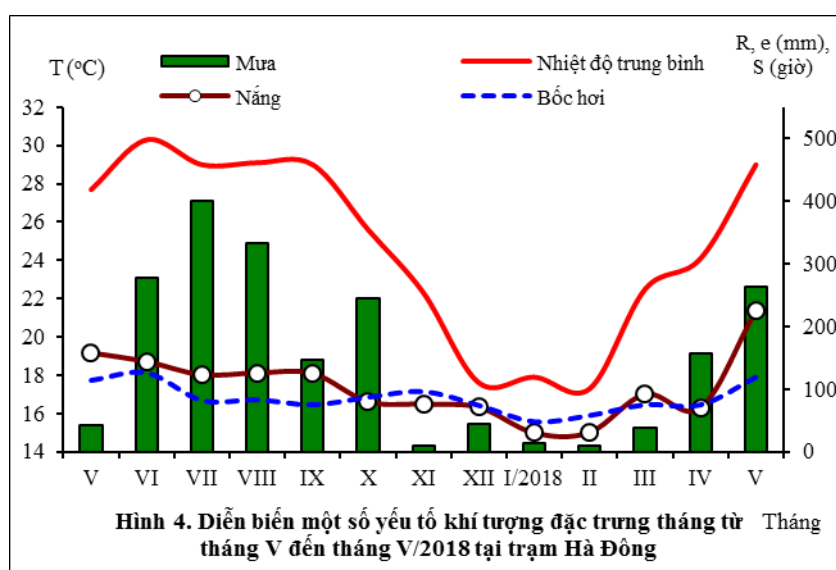
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,4<sup>0</sup>C đến 34,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 24/V tại Sơn Tây;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,1<sup>0</sup>C đến 26,6<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 3/V tại Hải Dương và Phủ Lý. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -63mm đến 134mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 106mm đến 334mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 28 đến 1158mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Hà Đông

### 4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2018 ở các nơi trong vùng dao động từ 208 giờ đến 267 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 10 giờ đến 64 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-9% đến -2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 7/V tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 54mm đến 119mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp giá trị lượng mưa tháng từ -232mm đến -10mm.

### 4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây không nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 11 ngày trong đó có 1 – 2 ngày có cường độ mạnh.

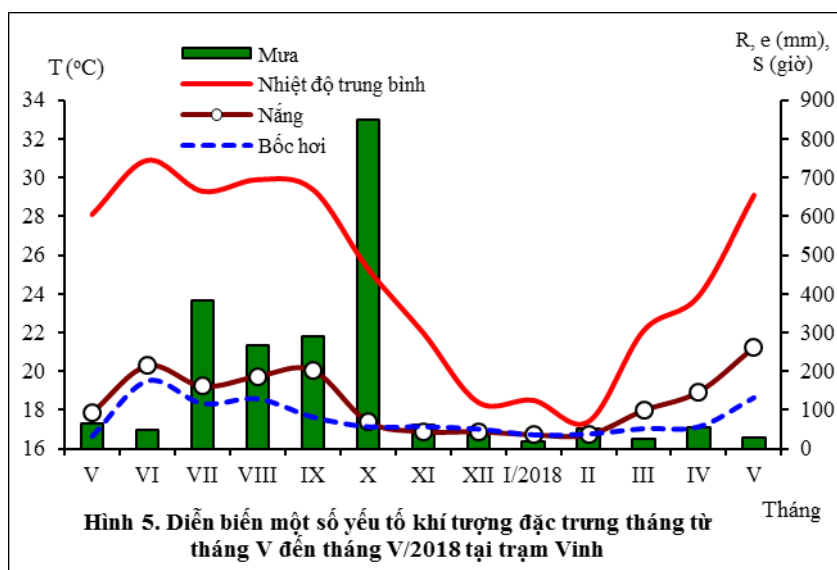
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 9 đến 22 ngày.

## 5. Vùng Bắc Trung Bộ

### 5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,4^{\circ}\text{C}$  đến  $1,7^{\circ}\text{C}$  (hình 10) và có giá trị từ  $27,6^{\circ}\text{C}$  đến  $29,1^{\circ}\text{C}$ .

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $31,3^{\circ}\text{C}$  đến  $35,6^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ cao nhất là  $39,4^{\circ}\text{C}$  xảy



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Vinh

ra vào ngày 8/V tại Con Cuông và Đô Lương.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ  $23,8^{\circ}\text{C}$  đến  $29,06^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $22,0^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 22/V tại Quỳnh Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### 5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng V/2018, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 29mm đến 257mm, tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN

từ -107mm đến 105mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 9 đến 65mm, cao nhất là 73mm xảy ra vào ngày 12/V tại Tây Hiếu.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 - 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 19 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 14 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### **5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 192 đến 281 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 10 giờ đến 61 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 871%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 8/V tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 69mm đến 132mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 9mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-205mm đến 103mm).

### **5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 18 ngày trong đó có từ 1 – 10 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 4 – 25 ngày.

## **6. Vùng Trung Trung Bộ**

### **6.1. Diễn biến nhiệt độ**

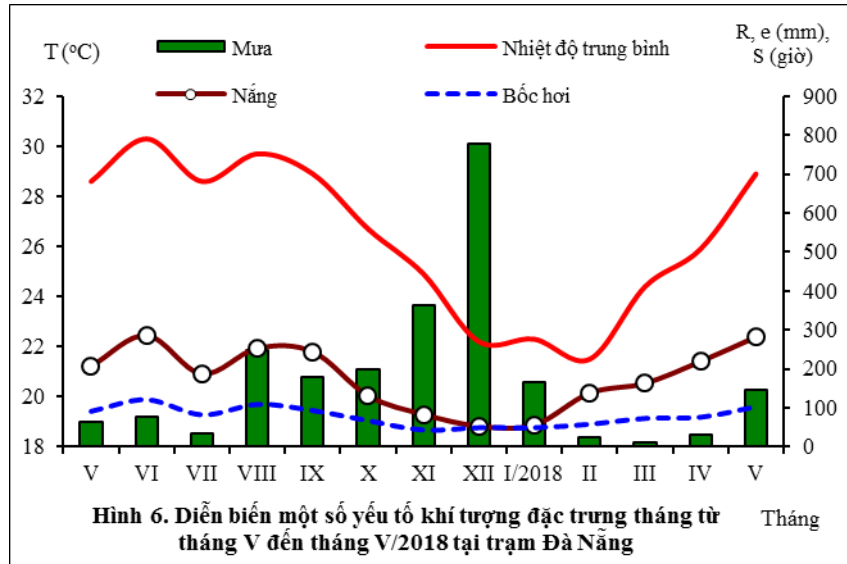
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2018 từ 24,5<sup>0</sup>C đến 29,3<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,5<sup>0</sup>C đến 1,5<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,3<sup>0</sup>C đến 35,8<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 8/V tại Nam Đông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,3<sup>0</sup>C đến 26,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 17,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 4/V tại A Lưới.

### **6.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa trong tháng V/2018 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -100mm đến -46mm. Lượng mưa tháng phổ biến từ 5mm đến 97mm, một số khu vực có lượng mưa tương đối cao như A Lưới (294mm), Tuyên Hóa (252mm), Trà My (150mm).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3 mm đến 73mm, cao nhất là 914mm xảy ra vào ngày 16/V tại A Lưới.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 21 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng V đến tháng V/2018 trên hình 6.

### 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 206 giờ đến 282 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10giờ đến 39 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 5%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 16/V tại Đông Hà.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 59mm đến 111mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-84mm đến 105mm).

### 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 - 27 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 23 ngày trong đó có 1 - 4 ngày có cường độ mạnh.

## 7. Vùng Nam Trung Bộ

### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

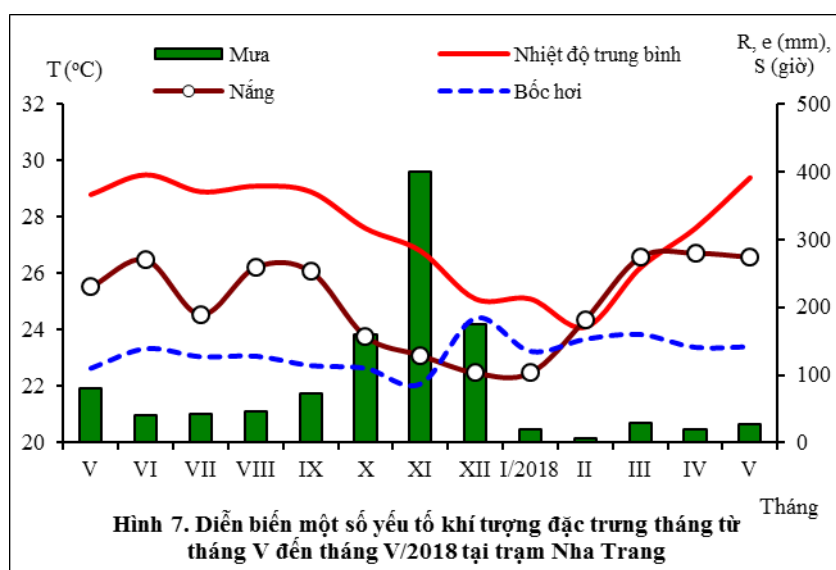
Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2018 từ 28,6<sup>0</sup>C đến 29,8<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6<sup>0</sup>C đến 1,3<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,5<sup>0</sup>C đến 34,5<sup>0</sup>C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 8/V tại Hoài Nhon.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,0<sup>0</sup>C đến 27,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,8<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 5/V tại Hoài Nhon, Tuy Hòa. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng V đến tháng V/2018 được thể hiện trên hình 7.

### 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng V/2018, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 8mm đến 31mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -109mm đến -27mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Nha Trang

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4mm đến 18mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 13 đến 23 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2018 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 2651 giờ đến 291 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 23 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 72% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 43% xảy ra vào ngày 14/V tại Cam Ranh và Hàm Tân.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 93mm đến 167mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ

hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (72mm đến 139mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 7 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 12 ngày trong đó có 1 ngày có cường độ mạnh.

### 8. Vùng Tây Nguyên

#### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2018 từ 20,6<sup>0</sup>C đến 28,9<sup>0</sup>C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6<sup>0</sup>C đến 1,1<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 26,6<sup>0</sup>C đến 35,3<sup>0</sup>C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 12/V tại Ayunpa.

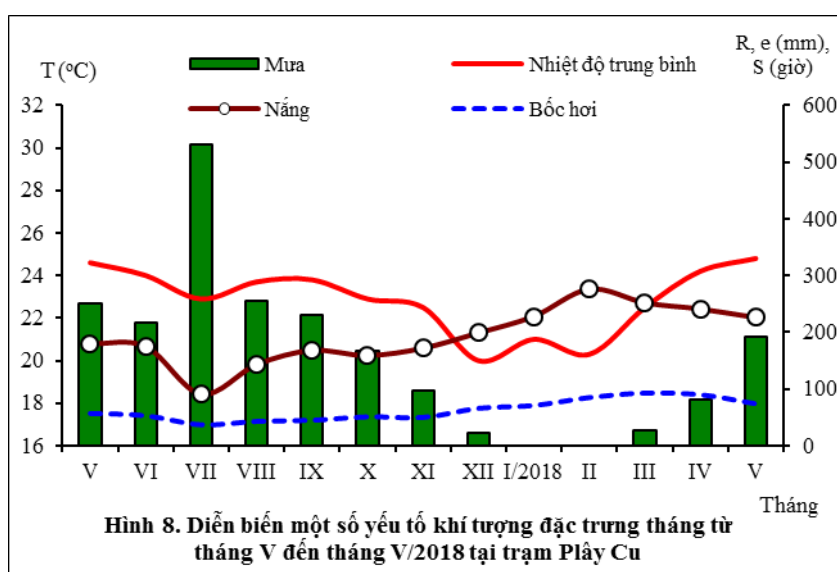
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,9 đến 24,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 11/V tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng V đến tháng V/2018 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

#### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2018 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 65 đến 277mm, cao nhất là 333mm tại Bảo Lộc. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -38mm đến 114mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 24mm đến 64mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 6 đến 27 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 16 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 15 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

#### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Plây Cu

- Tổng số giờ nắng tháng V/2018 phổ biến từ 176 giờ đến 245 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-42 giờ đến 46 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 2% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 73% đến 88%; độ ẩm không khí thấp nhất là 35% xảy ra vào ngày 11/V tại Đắc Tô.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 45mm đến 141mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ -286mm đến -48mm.

#### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 5 - 27 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất ở Ayunpa 23 ngày với cường độ nhẹ.

### 9. Vùng Nam Bộ

#### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

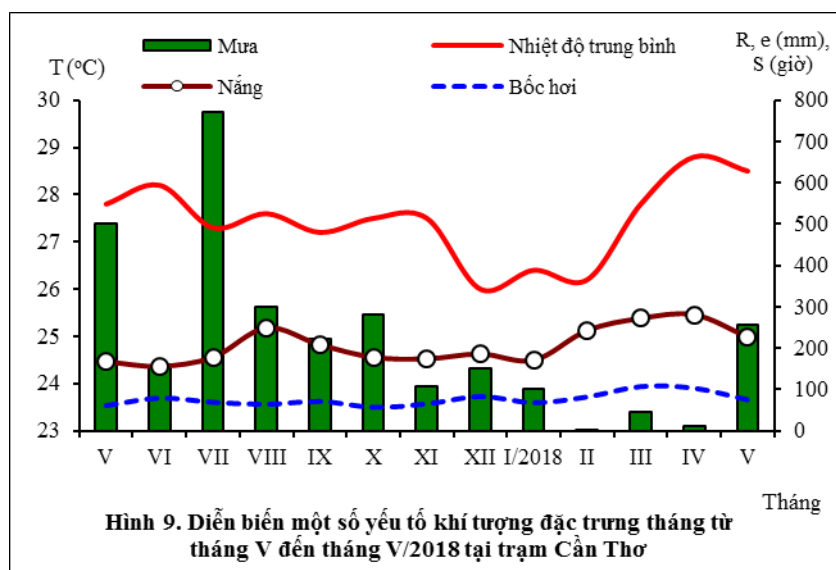
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2018 từ 26,9<sup>0</sup>C đến 29,8<sup>0</sup>C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3<sup>0</sup>C đến 1,6<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,8<sup>0</sup>C đến 35,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 14/V tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,1<sup>0</sup>C đến 27,1<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 16/V tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Cần Thơ.

#### 9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2018 dao động phổ biến từ 164mm đến 459mm, thấp nhất là 69mm xảy ra tại Càng Long. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-143mm đến 169mm).



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2018 tại trạm Cần Thơ

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 20mm đến 92mm.
- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 13 đến 26 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 19 ngày.

### ***9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Tổng số giờ nắng tháng V/2018 phổ biến từ 173 giờ đến 257 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-34 giờ đến 27 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 75% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 4% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 12/V tại Xuân Lộc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 24mm đến 94mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-259mm đến -10mm).

### ***9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 9 - 29 ngày.
- Gió Tây khô nóng xuất hiện hầu hết các khu vực từ 1 - 16 ngày với cường độ nhẹ.

## **V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2018**

Nhìn chung điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng V/2018 ở hầu hết các vùng trong cả nước đều tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt dao động không nhiều so với TBNN, lượng mưa và số ngày mưa tăng. Ngoại trừ vùng khu vực Miền Trung có lượng mưa thấp hơn TBNN và thấp hơn lượng bốc hơi làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

Đợt nắng nóng đầu tháng V là đợt nắng nóng trên diện rộng đầu tiên trong năm 2018, trải rộng từ khu vực vùng núi phía Tây các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên - Huế với nhiệt độ cao nhất trong ngày phổ biến 34-37°C; có nơi có nhiệt độ cao trên 37°C như Con Cuông (Nghệ An) 37,4°C. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc xoáy, gió giật mạnh, mưa đá trong cơn dông liên tiếp xảy ở nhiều khu vực trong cả nước. Ở Tây Nguyên và Nam Bộ có mưa rào và dông xuất hiện về chiều và tối.

Ngày 11/5 mưa đã xảy ra tại Thanh Hóa: Tổng diện tích lúa bị thiệt hại 83,5ha; số hoa màu bị thiệt hại 6 ha; diện tích ngô bị thiệt hại trên 70% là 139,83 ha (xã Thọ Thanh, Xuân Dương, Xuân Thắng, Xuân Cẩm), thiệt hại từ 50 – 70% là 12,4 ha (Ngọc Phụng), từ 20 – 50% là 2,5 ha (Xuân Lộc, Vạn Xuân). Ngoài ra còn thiệt hại về diện tích mía, sắn, cây ăn quả, cây lâu năm

Chiều 18/5 lốc xoáy kèm mưa đá xảy ra tại huyện Bồ Trách (Quảng Bình) làm hư hại nhiều diện tích nông nghiệp của dân địa phương.

Chiều 19/5 trên địa bàn huyện Xuân Lộc (Đồng Nai) xảy ra mưa lớn có gió giật mạnh, sấm chớp kèm những viên mưa đá nhỏ trút xuống mặt đất gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trên khu vực.

Gió Tây khô nóng xảy ra chủ yếu ở Miền Trung (từ Hội Xuân – Thanh Hóa đến Ba Tư – Quảng Nam) từ 4 đến 23 ngày trong đó có 1 đến 10 ngày có cường độ mạnh. Ở khu vực Nam Bộ, tháng V gió Tây Nam bắt đầu thổi mạnh ảnh hưởng theo mưa rào và dông ở hầu hết các địa phương. So với cùng kỳ nhiều năm thì tháng V năm nay hiện tượng gió tây khô nóng ở Nam Bộ giảm đáng kể, gió tây khô nóng xảy ra chủ yếu ở Đông Nam Bộ và một vài nơi ở Tây Nam Bộ (Cần Thơ, Mỹ Tho, Châu Đốc) từ 2 – 16 ngày với cường độ nhẹ. Ở khu vực Tây Nguyên chỉ xuất hiện tại Cheo Reo (23 ngày với cường độ nhẹ); khu vực Nam Trung Bộ chỉ xảy ra tại Tuy Hòa, Cam Ranh, Phan Rang.

Cùng với nắng nóng, gió thổi mạnh làm lượng bốc hơi tăng cao. Khu vực Miền Trung lượng bốc hơi dao động từ 70mm đến 167mm trong khi đó lượng mưa cả tháng ở nhiều nơi dưới 10mm như Đồng Hới, Đông Hà (6mm), Đà Nẵng (5mm), Quảng Ngãi (10mm), Quy Nhơn, Hoài Nhơn (8mm)... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, nhiều khu vực đã xảy ra hạn.

Trong tháng V, tại các tỉnh phía Bắc, hoạt động trồng trọt tập trung chăm sóc, tưới dưỡng lúa Đông xuân, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng. Các tỉnh phía Nam tiếp tục thu hoạch lúa, hoa màu vụ Đông xuân và gieo trồng lúa Hè thu.

## **1. Đối với cây lúa**

- *Lúa Đông xuân*: Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo cấy được 3.108 nghìn ha lúa Đông xuân, giảm nhẹ (-0,3%) so với cùng kỳ. Các địa phương miền Bắc đã gieo cấy được 1.140 nghìn ha lúa Đông xuân, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Phần lớn các tỉnh đã kết thúc gieo cấy. Trong đó, vùng Đồng bằng

sông Hồng đã gieo cấy 532,4 nghìn ha, bằng 99,3% so với cùng kỳ. Diện tích lúa Đông xuân ở vùng Đồng bằng sông Hồng có xu hướng giảm trong những năm gần đây, nguyên nhân chủ yếu là do chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa. Trà lúa đông xuân sớm đang trong giai đoạn trổ bông, chín sữa, năng suất ước tính đạt 63 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; sản lượng ước tính đạt 7,1 triệu tấn, giảm 24 nghìn tấn. Một số địa phương có sản lượng lúa giảm nhiều là: Hà Nội giảm 24,5 nghìn tấn; Hưng Yên giảm 11,3 nghìn tấn; Hải Dương giảm 9,3 nghìn tấn; Bắc Ninh giảm 7,5 nghìn tấn

Các tỉnh phía Nam đã xuống giống lúa Đông xuân được hơn 1.968 nghìn ha, bằng 99,8% so với cùng kỳ năm trước, đã thu hoạch được 1.941 nghìn ha (chiếm 98,6% diện tích xuống giống). Trong đó các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn tất thu hoạch với năng suất ước đạt 69,2 tạ/ha tăng 6,3 tạ/ha, sản lượng ước đạt 10.895 nghìn tấn, tăng 954,9 nghìn tấn. Tình hình thời tiết vụ Đông xuân 2018 khá thuận lợi, không có mưa trái mùa khi lúa trổ bông nên năng suất lúa năm nay đạt khá.

- *Lúa hè thu*: Tính đến 15/05/2016, các tỉnh miền Nam đã xuống giống lúa Hè thu được 1.108,2 nghìn ha, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.047 nghìn ha, giảm 11,6%. Nhìn chung, tiến độ gieo trồng lúa Hè thu chậm so cùng kỳ do ảnh hưởng của lúa Đông xuân gieo trồng và thu hoạch muộn. Hiện lúa Hè thu đang ở giai đoạn đẻ nhánh đến chắc xanh, cây lúa sinh trưởng và phát triển khá. Tuy nhiên, do đặc điểm lúa Hè thu sinh trưởng trong điều kiện nắng nóng, nền nhiệt cao, có thể thiếu nước ở đầu vụ, nhưng lại thu hoạch vào thời điểm có mưa đầu mùa, nên các địa phương cần khuyến cáo nông dân chọn gieo trồng các giống lúa chất lượng cao, có thời gian sinh trưởng ngắn và tuân thủ nghiêm ngặt lịch xuống giống né rầy, né lũ đảm bảo cho việc sản xuất vụ lúa tiếp theo.

## **2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp**

Ngoài việc tập trung chăm sóc, thu hoạch lúa đông xuân và gieo cấy lúa hè thu, các địa phương trên cả nước còn đẩy mạnh gieo trồng các loại cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Nhìn chung các cây màu gặp thời tiết thuận lợi, sinh trưởng và phát triển tốt.

*Cây màu:* Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo trồng được khoảng 787 nghìn ha màu các loại, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngô ước đạt 484 nghìn ha; khoai lang ước đạt 73,4 nghìn ha, sắn ước đạt 227,2 nghìn ha.

*Cây công nghiệp ngắn ngày:* Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo trồng được 283 nghìn ha cây công nghiệp, bằng 93,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích đậu tương đạt 34,1 nghìn ha, lạc đạt 143,6 nghìn ha.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì: Chè đang trong giai đoạn chè lớn búp mù, chè lớn lá thật 1, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá (bảng 1).

Ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ: Ngô đang trong giai đoạn phun râu, trạng thái sinh trưởng khá.

Ở Bắc Trung Bộ: Lạc đang trong giai đoạn hình thành củ, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: Cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng V/2018**

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh	
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Điện Biên	Lúa chiêm thu hoạch				
2		Văn Chấn	Lúa chiêm chín hoàn toàn	TB	3 cm		
3		Mộc Châu	Chè lớn búp mù	Khá	Âm		
4	Đông Bắc	Lạng Sơn	Ngô phun râu	Khá	TB		
5		Bắc Giang	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	3 cm		
6		Uông Bí	Lúa xuân thu hoạch				
7	Trung du	Phú Hộ	Chè lớn lá thật 1	TB	Âm		
8	Bắc Bộ	Ba Vì	Chè lớn lá thật 1	TB	TB		
9	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa xuân chín hoàn toàn	TB			
10		Hoài Đức		Lúa xuân hè trở bông	TB	3 cm	
				Lạc hình thành củ	Khá	TB	
				Ngô phun râu	Khá	TB	
11		Hải Dương	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	11 cm		
12	Hưng Yên	Lúa xuân chín hoàn toàn	Khá	3 cm			

13		Nam Định	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	16 cm	
14		Thái Bình	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3 cm	
15		Ninh Bình	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3 cm	
16		Thanh Hóa	Lúa chiêm thu hoạch			
17	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc hình thành củ	TB	TB	
18		Đô Lương	Lúa xuân thu hoạch			
19		Quỳnh Lưu	Lúa mùa cấy	TB	3 cm	
20	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	Âm	
21	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Âm	

### 3. Tình hình sâu bệnh

Theo số liệu của Cục Bảo vệ thực vật, diện tích lúa bị nhiễm dịch hại như sau:

- *Rầy nâu - rầy lưng trắng*: Diện tích bị nhiễm là 67.248 ha, diện tích bị nhiễm nặng là 3.204 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc.

- *Bệnh VL-LXL*: Diện tích nhiễm 9.991 ha, nhiễm nặng 1.140 ha, mất trắng 75 ha. Tập trung tại các tỉnh Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang, Bạc Liêu và Long An.

- *Bệnh đạo ôn lá*: Diện tích nhiễm 60.197 ha, nặng 3.855 ha, mất trắng 75,87 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Bắc.

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 4.111 ha, nhiễm nặng 191 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh lùn sọc đen*: Diện tích nhiễm 28,3 ha, nhiễm nặng 0,7 ha, (tại Ninh Bình, Lào Cai, Thái Bình, Nam Định, Hòa Bình, Bắc Ninh, Bắc Kạn). Bệnh xuất hiện gây hại trên lúa từ giai đoạn đẻ nhánh - cuối đẻ nhánh trở đi.

- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 7.178 ha, nhiễm nặng 380 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 8.294 ha, nhiễm nặng 124 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh khô vằn*: Diện tích nhiễm 134.493 ha, nhiễm nặng 7.142 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Bắc.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm 173.772 ha, nhiễm nặng 23.229 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Bắc.

- *Sâu năn (muỗi hành)*: Diện tích nhiễm 2.666 ha, nhiễm nặng 755 ha. Xuất hiện ở tỉnh Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long và Tây Ninh.

- *Chuột*: Diện tích bị hại 10.838 ha, bị hại nặng 427 ha, mất trắng 07 ha. Gây hại ở các tỉnh trong cả nước.

- *Ốc bươu vàng*: Diện tích nhiễm 4.613 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh đốm nâu*: Diện tích nhiễm 2.990 ha. Tập trung tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.

Ngoài ra còn có các đối tượng sinh vật gây hại khác: bọ trĩ (1.170 ha), sâu đục thân (709 ha), Bọ xít dài (368 ha), Vàng lá sinh lý (120 ha), Châu chấu tre lưng vàng (2,4 ha), ...

## **V. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI-VIII NĂM 2018**

### **3.1. Nhiệt độ**

Nhiệt độ 3 tháng VI-VIII năm có khả năng từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước, với xác suất 55 đến trên 77%; thấp hơn TBNN ở phía Tây Tây Bắc, phía Đông Bắc Bộ, phần lớn Nam Trung Bộ, một phần phía Bắc Tây Nguyên và phía Nam Nam Bộ, với xác suất từ 44 đến 66%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ dưới -0,5 đến 1°C

### **3.2. Lượng mưa**

Lượng mưa tháng VI - VIII năm 2018 có khả năng từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN trên đa phần diện tích cả nước, với xác suất 55 đến trên 77%; từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN ở phần lớn Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, phía Nam Nam Trung Bộ và phần lớn Nam Bộ, với xác suất từ 44 đến 77%. Chuẩn sai lượng mưa mùa phổ biến từ -200 đến trên 200mm.

### **3.3. Hiện tượng cực đoan**

Mưa lớn: Khu vực Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ cần phòng mưa lớn do hoạt động của gió mùa mùa hè.

Nắng nóng: Số đợt nắng nóng trong mùa hè năm 2018 có khả năng ở mức từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN. Tuy nhiên, nhiều khả năng vẫn xuất hiện các đợt nắng nóng gay gắt ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, các vùng này cần có các giải pháp phòng chống ảnh hưởng nắng nóng đến sản xuất và sức khỏe người dân

## **V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng V và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VI/2018 và dự báo khí hậu 3 tháng VI, VII, VIII/2018 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

### **1. Miền Bắc**

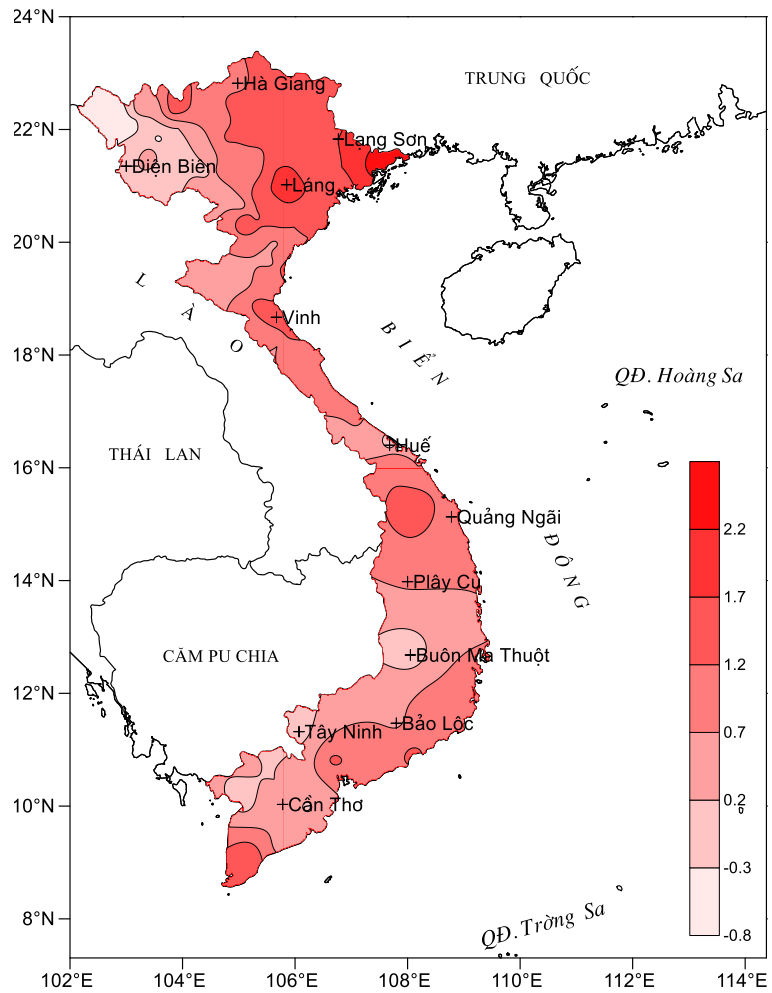
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh trên lúa xuân, đặc biệt là bệnh đạo ôn, rầy nâu, rầy lưng trắng và các loại sâu bệnh trên rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa đông xuân.

### **2. Miền Nam**

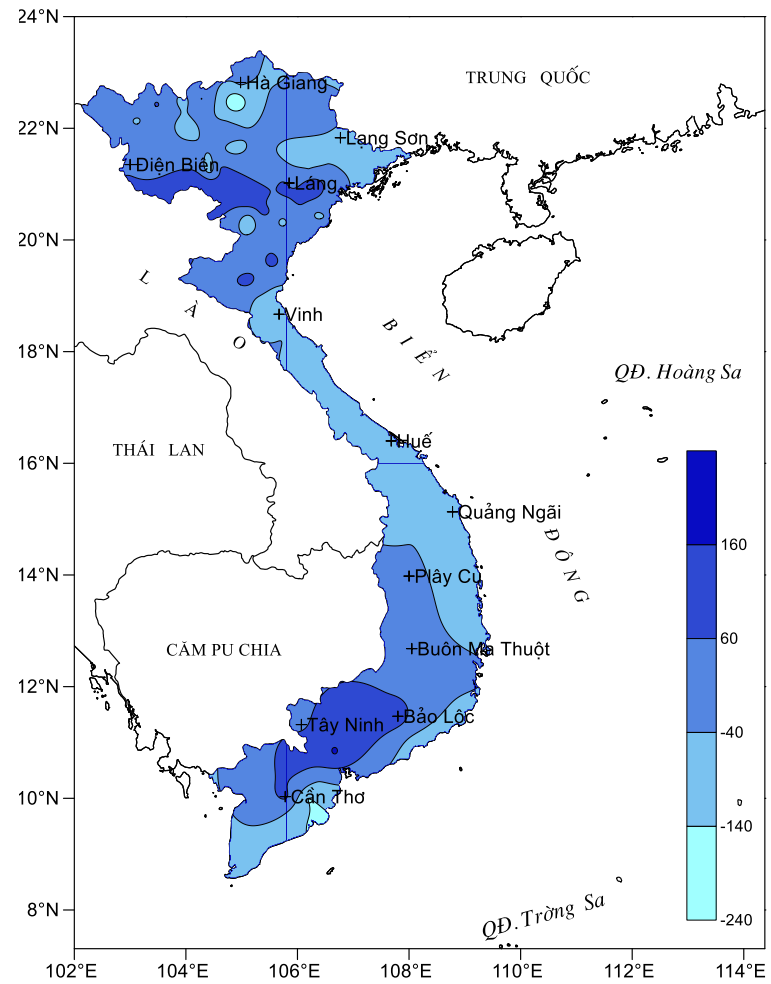
- Thu hoạch phần còn lại của lúa đông xuân
- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn;
- Chăm sóc lúa hè thu, lúa mùa đảm bảo cho thu hoạch đạt năng suất cao;
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh trên lúa, trên các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.
- Đề phòng các đợt mưa lớn đầu mùa ảnh hưởng đến thu hoạch lúa
- Đề phòng lũ cho việc xuống giống vụ tiếp theo

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

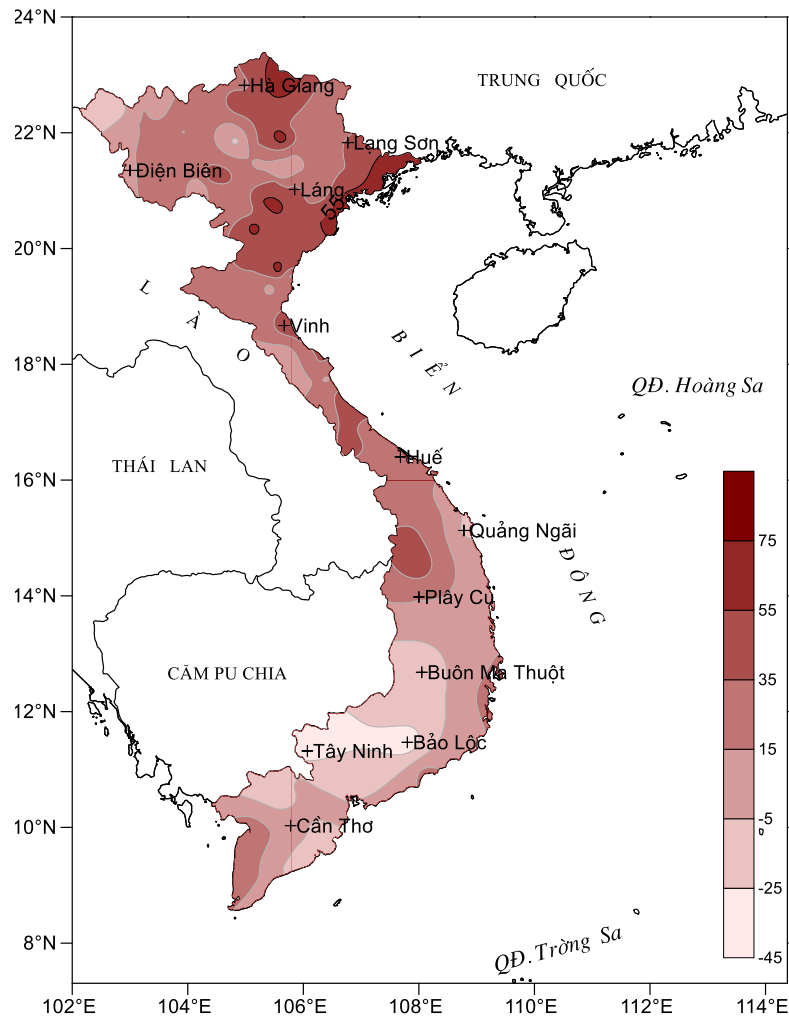
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VI, VII, VIII năm 2018;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VI năm 2018 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng V năm 2018 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



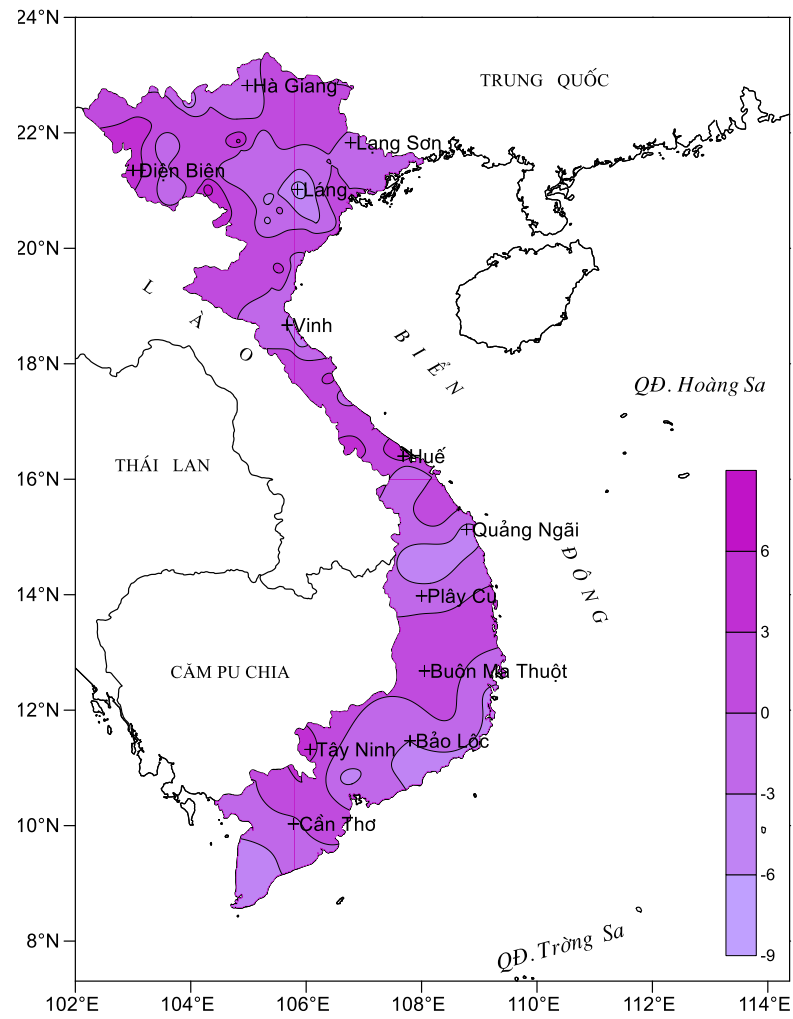
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2018 so với TBNN (°C)



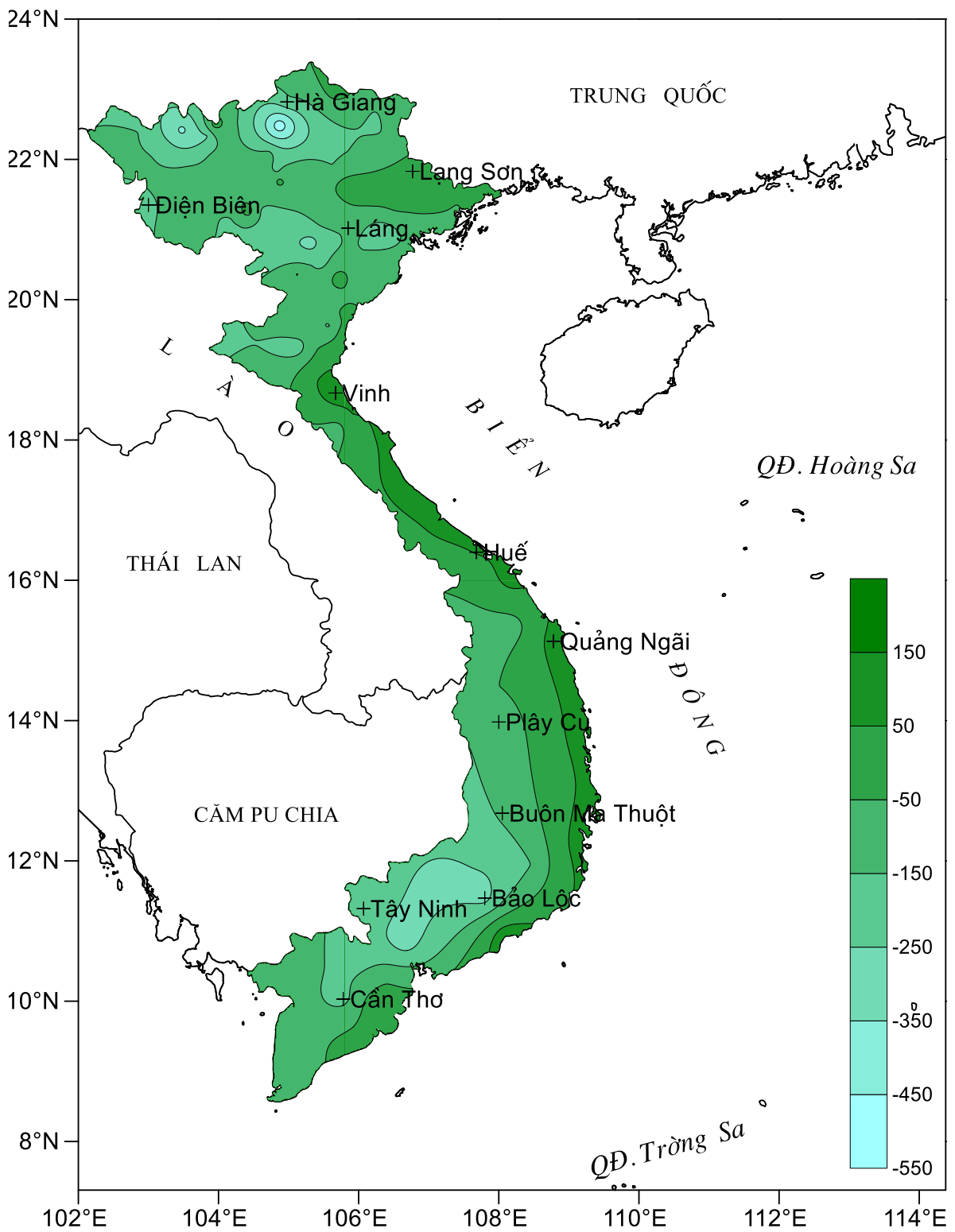
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2018 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2018 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2018 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2018 (mm)**